

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TMT23B4
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Điện tử căn bản(5)	Lắp ráp và cài đặt máy tính(5)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2354801024428	Trần Thị Thúy	An	17/12/2007	0.0	0.0	0.0	6.1	0.0	0.0	2.3	Yếu
02	2354801024429	Nguyễn Văn Gia	Bảo	09/09/2008	8.6	8.0	5.7	6.9	7.8	7.3	7.2	Khá
03	2354801024430	Nguyễn Văn	Cảnh	06/03/2008	7.5	8.0	6.7	7.0	8.9	6.6	7.6	Khá
04	2354801024431	Cao Khánh	Duy	25/03/2008	8.7	7.8	7.1	7.5	9.0	7.5	8.0	Giỏi
05	2354801024432	Đặng Hoàng	Duy	25/02/2008	0.0	0.0	2.0	6.8	2.7	2.5	4.2	Yếu
06	2354801024433	Mai Thị Tuyết	Duyên	23/03/2008	6.7	0.0	2.0	6.2	5.9	3.5	5.3	Trung bình
07	2354801024435	Nguyễn Nhựt	Hanh	10/12/2006	8.7	8.4	7.3	7.4	8.7	8.2	8.0	Giỏi
08	2354801024436	Phạm Thanh	Hiển	06/06/2008	7.5	8.4	6.4	7.7	8.7	6.3	7.8	Khá
09	2354801024437	Trần Bảo	Huy	26/02/2008	7.9	7.7	6.6	7.4	8.8	7.0	7.8	Khá
10	2354801024438	Lương Văn	Khánh	23/11/2008	7.9	6.6	6.9	7.5	8.7	6.8	7.8	Khá
11	2354801024439	Võ Tuấn	Kiệt	14/08/2008	8.7	7.8	7.7	7.2	8.7	7.0	7.8	Khá
12	2354801024440	Trần Nguyễn Thiên	Kim	11/07/2008	6.6	8.0	7.0	7.3	7.7	6.9	7.4	Khá
13	2354801024441	Nguyễn Thị Trúc	Lam	05/11/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
14	2354801024442	Nguyễn Khánh	Linh	18/02/2008	6.5	7.2	7.6	7.0	8.5	8.0	7.8	Khá
15	2354801024443	Nguyễn Ngọc Cẩm	Ly	28/10/2008	7.3	6.4	8.5	6.7	7.7	8.9	7.6	Khá
16	2354801024444	Nguyễn Thị Kiều	My	01/11/2008	8.6	7.0	9.1	6.4	7.3	9.6	7.4	Khá
17	2354801024445	Nguyễn Hoài	Nam	13/09/2008	8.1	8.0	6.3	7.8	8.7	7.6	8.0	Giỏi
18	2354801024446	Lê Khánh	Ngọc	01/02/2008	0.0	0.0	7.6	6.1	5.9	9.0	6.6	Trung bình
19	2354801024447	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	10/09/2008	8.7	8.4	8.1	7.6	8.3	9.1	8.1	Giỏi
20	2354801024448	Võ Thị Thúy	Nhi	29/11/2008	7.3	5.8	5.4	6.1	7.4	4.8	6.3	Trung bình
21	2354801024449	Lê Bảo	Phát	03/09/2008	8.7	6.6	5.8	7.0	8.7	7.2	7.6	Khá

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Điện tử căn bản(5)	Lắp ráp và cài đặt máy tính(5)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2354801024450	Nguyễn Hoàng Phúc	18/02/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
23	2354801024451	Đào Văn Đoàn	06/10/2007	9.2	7.6	7.8	7.6	9.1	7.9	8.2	Giỏi
24	2354801024453	Nguyễn Bảo Kim Thanh	04/05/2008	8.7	8.3	6.7	7.7	8.3	8.7	8.0	Giỏi
25	2354801024454	Lê Thị Phương Thảo	25/11/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
26	2354801024455	Nguyễn Minh Thư	04/09/2008	0.0	0.0	7.1	6.1	5.9	8.8	6.5	Trung bình
27	2354801024457	Võ Thị Huyền Trân	21/06/2008	7.0	7.0	8.6	6.3	7.2	8.8	7.2	Khá
28	2354801024458	Nguyễn Bảo Trọng	13/10/2008	8.1	6.7	5.7	7.3	8.9	7.0	7.7	Khá
29	2354801024459	Thái Minh Trung	29/01/2008	8.5	8.4	5.8	7.3	8.4	8.8	7.8	Khá
30	2354801024460	Lê Triệu Vy	20/11/2008	8.5	7.9	7.7	7.0	8.3	8.3	7.8	Khá
31	2354801024461	Huỳnh Văn Vỹ	13/04/2008	0.0	0.0	0.0	7.0	0.0	0.0	2.7	Yếu

Lưu ý: Môn học **Giáo dục thể chất** và **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 16 tháng 07 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái

